

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hoàng Giang**

2. Bà **Đoàn Thị Sim**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lung M, xã P, huyện P, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lung M, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà L và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông P không quan tâm lo cho cuộc sống gia đình, mặc dù đã được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà L yêu cầu xin ly hôn với ông P. Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh năm 1996, đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét; Nguyễn Chí N, sinh ngày 07/7/2003 đang sống chung với bà L, bà L yêu cầu nuôi Nguyễn Chí N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với ông Nguyễn Văn P nhưng ông P vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với Nguyễn Văn P nhưng ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 31/08/2020 Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông P là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, tại đơn xin xác nhận ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã P thì thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P. Như vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh năm 1996, đã trưởng thành; Nguyễn Chí N, sinh ngày 07/7/2003 đang sống chung với bà L, bà L yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy sau khi ly hôn phải xem xét đến nguyện vọng của con chung vì cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 07/7/2003 hiện nay đã trên 07 tuổi phải xem xét đến nguyện vọng của cháu N. Tại biên bản về việc ghi nhận nguyện vọng của cháu N thì thể hiện nguyện vọng của cháu N là sống với bà L. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 07/7/2003 cho bà L nuôi dạy là phù hợp

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng.

Về con chung: Giao Nguyễn Chí N, sinh ngày 07/7/2003 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dạy. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông P thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Bà L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011706 ngày 09/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân

